



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Minh Triết
Last Middle First

Current Address 170 Ngõ Biền P. 21 Q. 5 TP HCM.

Date of Birth 09/06/35 Place of Birth Bạc Liêu

Previous Occupation (before 1975) warrant officer (us trainee)
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From _____ To _____
(2 yrs)

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Minh Triết
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01- Ng ^ũ thi Bạch Đằng	11/05/43	wife
02- Lê thi Bạch Yến	01/04/67	daughter
03- Lê Bạch Lan Phương	08/11/68	—
04- Lê Minh Đăng Khoa	02/01/74	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODF APPLICANTS

Date: Sept 1, 1984

Man: ex prisoner
US trained

wife: US employee

có khai sinh, giấy
chứng nhân bản chính
giữ trong hồ sơ

Identification data :

name : TRIET, LE MINH
place of birth : September 6, 1935 at Vinh Loi
Bac Lieu (Viet Nam)
home address : 170 Nguyễn Biểu, Phường 21, Quận
TP Hồ Chí Minh Viet Nam
work address : same above
present occupation : Livestock raiser

B. Relatives to accompany me :

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital Status (MS) as follows Married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S).

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	M.S	Relations
1. Nguyễn Thị Bạch Đằng	Nov. 5. 1943	Gia Định	F	M	wife
2. Lê Thị Bạch Yến	Jan. 4. 1967	Saigon	F	S	Daughter
3. Lê Bạch Lan Phương	Aug. 11. 1968	-id-	F	S	-id-
4. Lê Minh Đăng Khoa	Feb. 1. 1974	-id-	M	S	Son

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificates (if ~~widowed~~ widowed). Identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you. Please note their address in section I below:

C. Relatives outside Viet Nam

1. Closest relative in the U.S

a. Name : none
b. Relationship :
c. Address :

2. Closest relative in other foreign countries

a. Name : Lê-Văn-Aghiêm
b. Relationship : cousin
c. Address : B.P 723 MONT DORE - NEW CALEDONIA

D. Complete family listing (living/dead)

	Name	Address
1. Father	Lê Minh Tông	170 Nguyễn Biểu, P21, Quận 5. HCM
2. Mother	Huỳnh Kim Diệp	"dead"
3. Spouse	Nguyễn Thị Bạch Đằng	170 Nguyễn Biểu, P21, Quận 5
4. Former spouse (if any)		none
5. Children		
	(1) Lê Thị Bạch Yến	170 Nguyễn Biểu, P21, Quận 5.
	(2) Lê Bạch Lan Phương	-id-
	(3) Lê Minh Đăng Khoa	-id-

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: Sept 1, 1984

A. Basic identification data :

1. Name : TRIET, LE MINH
2. Other name : none
3. Date/place of birth : September 6, 1935 at Vinh Loi
Bac Lieu (Viet Nam)
4. Residence address : 170 Nguyen Biieu, F21, Quận
TP Hồ Chí Minh Viet Nam
5. Mailing address : same above
6. Current occupation : Livestock raiser

B. Relatives to accompany me :

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital Status (MS) as follows Married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S).

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	M.S	Relations
1. Nguyễn Thị Bạch Đằng	Nov.5.1943	Gia Định	F	M	wife
2. Lê Thị Bạch Yến	Jan.4.1967	Saigon	F	S	Daughter
3. Lê Bạch Lan Phương	Aug.11.1968	-id-	F	S	-id-
4. Lê Minh Đăng Khoa	Feb.1.1974	-id-	M	S	Son

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificates (if ~~divorced~~ widowed). Identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you. Please note their address in section I below:

C. Relatives outside Viet Nam

1. Closest relative in the U.S

- a. Name : none
- b. Relationship :
- c. Address :

2. Closest relative in other foreign countries

- a. Name : Lê-Văn-Aghiên
- b. Relationship : cousin
- c. Address : B.P 723 MONT DORE - NEW CALEDONIA

D. Complete family listing(living/dead)

	Name	Address
1. Father	Lê Minh Tông	170 Nguyễn Biieu, F21, Quận 5. HCM
2. Mother	Huỳnh Kim Diệp	"dead"
3. Spouse	Nguyễn Thị Bạch Đằng	170 Nguyễn Biieu, F21, Quận 5
4. Former spouse(if any)		none
5. Children	(1) Lê Thị Bạch Yến	170 Nguyễn Biieu, F21, Quận 5.
	(2) Lê Bạch Lan Phương	-id-
	(3) Lê Minh Đăng Khoa	-id-

6. Siblings

(1) Lê Văn Aghiên 170 Nguyễn Biieu, F21, Quận 5.

E. Employment by U.S Government agencies or other US Organizations of you or your spouse

1. Name of person employed : NGUYEN THI BACH DANG
2. Dates From 1971 to 1974
3. Title of (last) position held : Financial accounting clerk
4. Agency/Company/Office : Foremost Dairies Products Ltd Dac Plant
5. Name of (last) supervisor : Mr Hansen, Plant manager
6. Reason for leaving : Reducing personnel by plant
7. Training for job in Viet Nam : none

F. Service with GVN or RVNAF by your spouse or you.

1. Name of person serving : LE MINH TRIET
2. Dates from October 1971 to December 1974
3. Last rank : Warrant officer
4. Ministry/Office/Military Unit : Military English language School.
5. Name of supervisor : Lt Colonel Huynh Van Lai
6. Reason for leaving : Took completely course and graduated diploma.
7. Name of American Advisor : Ph. D. LOCKER
8. U.S Training course in Viet Nam : Resources Defense Management course (Monterey Naval base Cal.)
9. U.S. Awards or certificates : none

G. Training outside Viet Nam of you or your spouse

1. Name of student/trainee : LE MINH TRIET
2. School and school address : Sheppard Air Force Base/Wichita Fall TEXAS.USA.
3. Dates from May 2, 1974 to July 2, 1974
4. Description of course : Management Analysis Officer Course
5. Who paid for training : US Army Department.

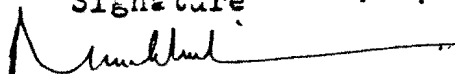
H. Re-education of you or your spouse :

1. Name of person in reeducation : LE Minh Triet
2. Total time in reeducation : 02 Years 01 month, 00 days
3. Still in reeducation : No X

I. Any additional remarks :

- a) Both of certificates completing course Management Analysis in USA and Resources Defense Management in Viet Nam, they were lost after April 30, 1975 events.
- b) I have been re-educated for 06 days being given NCO in 1960 and added to 20 months in reeducation camp by accusation of VN authorities for fleeing abroad by ship.

Signature



Date Sept 1, 1984

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CÂN-CƯỚC Sđ 02198915

Họ Tên **NGUYỄN THỊ BẠCH DẪN**

Ngày, giờ sinh **05.11.1943**

THÀNH MỸ TÂY GIANG

Cha **NGUYỄN VĂN KHUÔNG**

M. PHẠM THỊ HUỆ b/đ LỆ THỊ HUỆ

Đ. ch 38/136 PHAN VĂN TRỊ SG



DATE ISSUED **25 June 1974**

RANK **RD**

SERVICE NUMBER **41107VS**

DATE OF BIRTH **6 September 35**

IN CASE OF EMERGENCY PLEASE CALL OFFICER OF THE DAY
AT THE NEAREST MILITARY INSTALLATION

IR [Signature] **[Signature]**
CENTER COMMANDER

State of Texas

TRIST, Joe Minh

VIETNAM

and a student receiving US Military Training
 is an Honorary Citizen and Officer. All citizens and officials are
 urged to extend every possible hospitality, courtesy and comfort
 to him during his temporary stay in this State.

 **[Signature]**
 GOVERNOR OF TEXAS

Dấu vết riêng: Nốt ruồi 1 dưới 1/2 Cao: 1 th 60

phải môi dưới

Nặng: 1,1 Kg

Chữ ký đương sự:

Trần Cảnh Chung

SAIGON ngày II.09.1969

TUN. GIAM ĐỐC CANH SÁT QGĐT
TRƯỞNG TY CSQG QUÂN 5

TRẦN CẢNH CHUNG

Nghĩa trở mặt



Nghĩa trở trái



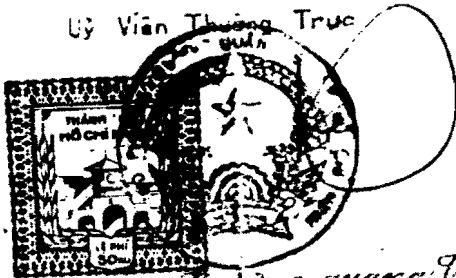
Số biên 576
(1).

NAISSANCE

Sanh



Số: 753 / 7 M
Chứng nhận giống y bản chính
Xúc tiến tại UBND Phường 21/Q5
Ngày 26 tháng 11 năm 1984
ỦY BAN PHƯƠNG 21/Q5
Ủy Viên Thường Trực



Quảng Trị

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lễ chửa đẻ mà hoặc biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

Nom et prénoms de l'enfant Tên họ dựa con nh	Lê Minh Triết
Son sexe Nam, nữ	Trái
Date de naissance Sanh ngày nào	6 septembre 1985
Lieu de naissance Sanh tại chỗ nào	Phước Bạt
Nom et prénoms de son père (pour les enfants non hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sinh không phải cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	Lê Minh Hồng
Sa profession Cha làm nghề gì	Photographe et Commercant
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Bạt
Nom et prénoms de sa mère Tên, họ mẹ	Phụng Kim Diệp
Sa profession Mẹ làm nghề gì	Chủ quán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Bạt
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Nom et prénoms du déclarant Tên, họ người khai	Lê Minh Hồng
Son âge Mấy tuổi	30 ans
Sa profession Làm nghề gì	Photographe et Commercant
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Bạt
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Phụng Mỹ Lợi
Son âge Mấy tuổi	30 ans
Sa profession Làm nghề gì	Agriculteur
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Bạt
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Lê Minh Hoàng
Son âge Mấy tuổi	20 ans
Sa profession Làm nghề gì	Cultivateur
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Bạt

A
Tai

Le Déclarant,
Người khai,

Phước Bạt

L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc công bố đời,

Phước Bạt

Les Témoins,

Các người chứng,

Phước Bạt & Phước

Phước Bạt, 10/11/1985
Chứng nhận



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH THANH MY TAY
(Extrait du registre des actes de naissance)

GIA ĐÌNH

(NAM-PHÂN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1943
(Année)

SỐ HIỆU 592
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI BACH DANG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Pheminin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	6 / II / 1943
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Maternité Thanh my tay
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN KHUONG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Secrétaire cours d'appel
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thanh my tay
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	PHAM THI HUE dite Le thi Hue
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thanh my tay
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	femme 1er rang

Chúng tôi, Ton that Niep
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Le Minh Dat
(M.)

~~Chánh~~ Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal)

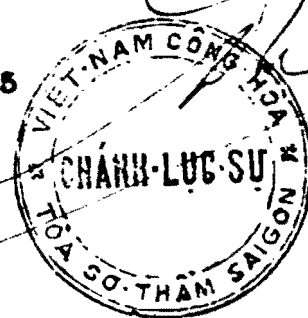
Saigon, ngày 4 / 2 / 1965

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 4 / 2 / 1965

K. T. CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền : 8
(Coût)

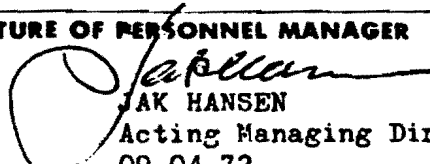
Biên-lai số : 11724/20
(Quittance no)

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

FORM - 1070

FOREMOST DAIRIES VIETNAM, S.A.R.L

P - SF - 05

NAME Mr. Miss Mrs.	FIRST Mrs.	MIDDLE Nguyen	LAST Thi BACH DANG	BIRTH DATE 11-05-43	SERVICE COMP. DATE 03-03-71
NATURE OF ACTION Reassignment				EFFECTIVE DATE September 4, 1972	
		FROM		TO	
EMPLOYEE NUMBER	1.827			Same	
EMPLOYING DEPARTMENT	Plant Admin Services Thu Duc Plant			Personnel Department Payroll Section Thu Duc Plant	
POSITION TITLE	Clerk			Same	
GRADE OR PAY LEVEL	FPL-4/4			Same	
SALARY	VN\$ 100.9 p/hr			Same	
REMARKS ☐ SUBJECT TO COMPLETION OF MONTH PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING ☐ SUBJECT TO COMPLETION OF PHYSICAL EXAMINATION WITH SATISFACTORY RESULTS. ☒ Employee serves as typist for Payroll Section. Will be trained to become a relief payroll clerk.					
REFERENCE REQUEST NO. BY APPROVED BY ON				SIGNATURE OF PERSONNEL MANAGER  JAK HANSEN Acting Managing Director DATE 09-04-72	

HD : hm

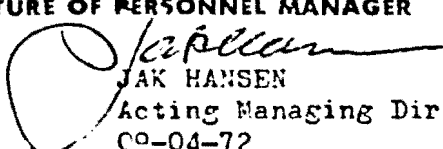
☒ EMPLOYEE COPY
 ☐ PERSONNEL FILE COPY
 ☐ PAYROLL COPY
 ☐ FINANCE DEPT COPY
 ☐ REG DEPT COPY

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

FORM - 1070

FOREMOST DAIRIES VIETNAM, S.A.R.L

P - SF - 05

NAME Mr. Mrs. Mlle.	FIRST	MIDDLE	LAST	BIRTH DATE	SERVICE COMP. DATE
	Mrs.	Nguyen	Thi BACH DANG	11-05-43	03-03-71
NATURE OF ACTION				EFFECTIVE DATE	
Reassignment				September 4, 1972	
		FROM		TO	
EMPLOYEE NUMBER	1.827			Same	
EMPLOYING DEPARTMENT	Plant Admin Services Thu Duc Plant			Personnel Department Payroll Section Thu Duc Plant	
POSITION TITLE	Clerk			Same	
GRADE OR PAY LEVEL	FPL-4/4			Same	
SALARY	VN\$ 100.9 p/hr			Same	
REMARKS					
☐ SUBJECT TO COMPLETION OF _____ MONTH PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING ☐ SUBJECT TO COMPLETION OF PHYSICAL EXAMINATION WITH SATISFACTORY RESULTS. ☒ Employee serves as typist for Payroll Section. Will be trained to become a relief payroll clerk.					
REFERENCE				SIGNATURE OF PERSONNEL MANAGER	
REQUEST NO. _____ BY _____ APPROVED BY _____ ON _____				 JAK HANSEN Acting Managing Director 09-04-72	

HD:ilm

☒ EMPLOYEE COPY
 ☐ PERSONNEL FILE COPY
 ☐ PAYROLL COPY
 ☐ FINANCE DEPT COPY
 ☐ REG DEPT COPY

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
ĐÔ - THÀNH SAIGON

Quận B A

Số hiệu 121

*

TRÍCH - LỤC CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Lê Minh Triết

nghề - nghiệp Quản nhân

sinh ngày 8 tháng chín năm một

chín, trên ba mươi lăm tại Vĩnh Lợi Bạc Liêu (HP)

cư trú tại Căn cứ không quân Biên Hòa

tạm trú tại -

Tên họ cha chồng Lê Minh Tổng (S)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn Kim Diệp (S)

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn Thị Ngọc Hằng

nghề - nghiệp Hội trợ

sinh ngày năm tháng mười một năm một

chín trên bốn mươi ba tại Thị trấn Mỹ Tây Gia Định (HP)

cư trú tại Saigon 1/60/42 Nguyễn Thông

tạm trú tại -

Tên họ cha vợ Nguyễn Văn Đường (C)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Phạm Thị Huệ tại Lê Thị Huệ (S)

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 14 tháng 6 năm 1965

Vợ chồng khai cơ này không lập hôn khế

ngày tháng năm

tại

MIỄN LỆ-PHÍ
Đã nộp H5/Sa Quận-Đội

TRÍCH LỤC Y BÀN CHÁNH:

Saigon, ngày 6 tháng 8 năm 196 5

Thị Quận - Trưởng Quận SA

Viên - Chức Hộ - Tịch,



Heau

LÂM-MÀNG

Số: 140/QĐ2

72) Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 1979

- Căn cứ vào điều 9 của bản tuyên bố của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về chính sách đối với vùng mới giải phóng.

- Căn cứ vào bản công bố chính sách đối với những sĩ quan, binh lính và nhân viên trong bộ máy chính quyền Sài Gòn cũ.

- Theo đề nghị của ban phụ trách cải tạo tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

-I-

Điều I: Chê Lê Minh Triết . Tuổi: 45
Quê quán: Tại Đại Lồ
Trú quán: 21/2/76 diện văn đặc quyền 5 - ngày
Dân tộc: Việt
Cán tại: Yết quân 1 không tin cậy với chủ quyền
1/1/76 trở nên anh ta không còn

Được trở về sum họp với gia đình và hưởng mọi quyền công dân.

Điều II: Khi về dương sự phải trình quyết định này với ủy ban nhân dân cách mạng, công an huyện nơi mình cư trú và phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi luật lệ hiện hành.

Điều III: Ban phụ trách trại cải tạo tỉnh thi hành quyết định này. /-

KI, TRƯỞNG TY CÔNG AN ĐỒNG NAI.
PHÓ TRƯỞNG TY

chứng thực
ở đơn trình tại
địa phương
23-12-79
PB

BUI DINH KIEM.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn
Thị xã Quận
Thành phố, Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 116
Quyển số 02



Họ và tên :	LÊ MINH DẠNG KHOA		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 1 tháng 2 năm 1974			
Nơi sinh	Nhà báo sinh Q3			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Minh Triết 1935		Nguyễn Thị Bạch Đằng 1943	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	V.N		V.N	
Nghề nghiệp	//		//	
Nơi ĐKNK thường trú	30/136 Phan văn Trị Q5			
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Minh Triết 1935			

NHẬN THƯC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày tháng năm 1974
(ký tên đóng dấu, ghi rõ)

Ngày 19 tháng 2 năm 1974
TM. UBND Quận 5 ký tên đóng dấu



DẤU ĐÓNG LỆ PHÍ

Nguyễn Văn Dũ



NAM - PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận

160

Số hiệu:

*



HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

bấy (1967)

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lê thị Bạch-Yến
Phái.	Nữ
Ngày sanh	Bốn tháng giêng năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 20/1/15
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha . .	Lê Minh Triết
Tuổi.	Ba mươi hai
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Tên, họ người Mẹ. . .	Nguyễn thị Bạch-Bằng
Tuổi.	Hai mươi bốn
Nghề-nghiep.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Lam tại Saigon, ngày 5 tháng 1 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: B/5

Saigon, ngày 17 tháng 6 năm 1967

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN

PHÍ
Quản Bội



NGUYỄN VĂN HÒA

Số hiện

(1).

NAISSANCE

Sanh



Nom et prénoms de l'enfant	Lê Minh Triết
Tên họ đứa con nli	
Son sexe	Trái
Nam, nữ	
Date de naissance	6 septembre 1935
Sanh ngày nào	
Lieu de naissance	Vinhloại Baelieu
Sanh tại chỗ nào	
Nom et prénoms de son père (pour les En- fants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué)	Lê Minh Công
Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	
Sa profession	Photographe & Commercial
Cha làm nghề gì	
Son domicile	Vinhloại Baelieu
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms de sa mère	Phuyl Kim Diệp
Tên, họ mẹ	
Sa profession	lưu lư
Mẹ làm nghề gì	
Son domicile	Vinhloại Baelieu
Nhà cửa ở đâu	
Son rang de femme mariée	vợ chồng
Vợ chánh hay là vợ thứ	
Nom et prénoms du déclarant	Lê Minh Công
Tên, họ người khai	
Son âge	36 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Photographe & Commercial
Làm nghề gì	
Son domicile	Vinhloại Baelieu
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin	Phuyl my Loi
Tên, họ người chứng thứ nhất	
Son âge	30 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Agricultur
Làm nghề gì	
Son domicile	Vinhloại Baelieu
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms du 2 ^e témoin	Lê Minh Hoàng
Tên, họ người chứng thứ nhì	
Son âge	20 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Cultivator
Làm nghề gì	
Son domicile	Vinhloại Baelieu
Nhà cửa ở đâu	

(1) Marge réservée
pour la mention, en
résumé, des jugements
rectificatifs des actes
de l'état-civil.

(1) Lê chưa đề mà
học biên án tòa cải
giấy khai sanh lại.

A

Tại

Baelieu
Vinhloại

le

ngày

10 septembre 1935
13 tháng 8 năm 1935Le Déclarant,
Người khai,L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc coi bộ đời,Les Témoins,
Các người chứng,

Signé: Công

Signé: Chau

Signé: Loi & Hoàng

P. E. C. 10 Mars 1935

Hưng thảo, 1 de mai

Chauhuoi

NOTA. — Les blancs non utilisés doivent être remplis par l'Etat.
Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ - PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

THÀNH NHY TAY

GIA ĐÌNH

(NAM-PHẦN)

(Sud-Viêt-Nam)

NĂM
(Année)

1943

SỐ HIỆU
(Acte No)

592



Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI BACH DANG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Phéminin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	5 / II / 1943
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Maternité Thanh my tay
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN KHUONG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Secrétaire cours d'appel
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thanh my tay
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	PHAM THI HUE dite Le thi Hue
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thanh my tay
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	femme 1 ^{er} rang

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Le Minh Dat
(M.)

CHÍNH-LỤC-SỰ Toà-án sở tại,
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 4 / 3 / 1965

T. U. N. CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh:
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 4 / 3 / 1965

K. 7 CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER-EN CHEF)



Giá tiền: 8
(Coût)

Biên-lai số: 11724/29
(Quittance no)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
ĐÔ - THÀNH SAIGON

TRÍCH - LỤC CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

Quận B A

Số hiệu 432

*

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Lê Minh Triết

nghề - nghiệp Quản nhân

sinh ngày Sáu tháng chín năm một ngàn

chín, trăm ba mươi lăm tại Vĩnh Lợi Bạc Liêu (HP)

cư trú tại Căn cứ không quân Biên Hòa

tạm trú tại -

Tên họ cha chồng Lê Minh Tông (S)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn Kim Diệp (S)

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn Thị Bạch Đằng

nghề - nghiệp Nội trợ

sinh ngày năm tháng mười một năm một ngàn

chín trăm bốn mươi ba tại Thành phố Tây Giadinh (HP)

cư trú tại Saigon 1/60/42 Nguyễn Thông

tạm trú tại -

Tên họ cha vợ Nguyễn Văn Khuông (S)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Phạm Thị Huệ vợ Lê Thị Huệ (S)

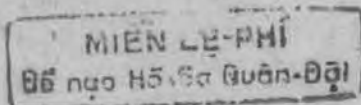
(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 14 tháng 6 năm 1965

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế -

ngày - tháng - năm -

tại -



TRÍCH LỤC Y BÀN CHÁNH :

Saigon, ngày 6 tháng 2 năm 196 5

Quận - Trưởng Quận BA

Viên - Chức Hộ - Tịch,



Heau

LÂM-MÃNH

NAM - PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

BA

Tòa Hành-Chánh Quận

180

Số hiệu :

*

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

bảy (1967)

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi



Tên, họ đưa nhỏ . . .	Lê thị Bạch-Yến
Phái.	NỮ
Ngày sanh	Hồn tháng giêng năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy, 20 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 76 Cao Thắng
Tên, họ người Cha . . .	Lê Minh Triết
Tuổi.	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Tên, họ người Mẹ. . .	Nguyễn thị Bạch-Bằng
Tuổi.	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 170 Nguyễn Biểu
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 5 tháng 1 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 17 tháng 8 năm 1968

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN



NGUYỄN THƯỚC HÒA

Mẫu HT 3/P 3

Thành phố, Tỉnh : 50

Quyền sở

[illegible]

Họ và Tên	Lê Bạch Lạc Phương	Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	ngày 11 tháng 8 năm 1968	
Nơi sinh	Sài Gòn 75 Cao Thắng	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Minh Triết 1935	Nguyễn Thị Bạch Băng 1943
Dân tộc	kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	
Nghề nghiệp	quân nhân	đội trợ
Nơi ĐKNK thường trú	Sài Gòn 38/136 Phan Văn Trị	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng mạnh hoặc CNCC của người đăng khai		

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 3 tháng 6 năm 1986
TM UBND _____ ký tên đóng dấu



ĐẠI HỒNG LÊ PHIM



II FIELD FORCE POST EXCHANGE

AVFB-PX

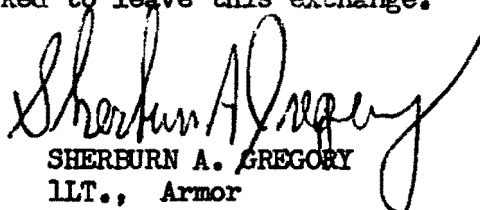
9 March 1968

SUBJECT: Letter of resignation.

TO: Whom it May Concern:

Miss Nguyen thi Bach Dang has worked in the capacity of Cashier-checker for the II Field Force Exchange for the period of three months.

During this period, I have found her to be an excellent worker. Because of pregnancy, she has asked to leave this exchange.

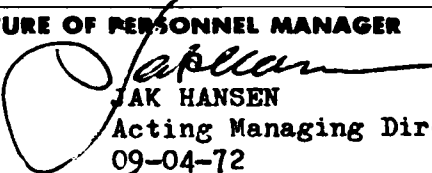

SHERBURN A. GREGORY
1LT., Armor
Exchange Officer

NOTIFICATION OF PERSONNEL ACTION

FORM - 1070

FOREMOST DAIRIES VIETNAM, SARL

P - SF - 05

NAME	FIRST	MIDDLE	LAST	BIRTH DATE	SERVICE COMP. DATE
Mr. Miss Mrs.	Mrs.	Nguyen	Thi BACH DANG	11-05-43	03-03-71
NATURE OF ACTION				EFFECTIVE DATE	
Reassignment				September 4, 1972	
		FROM		TO	
EMPLOYEE NUMBER		1.827		Same	
EMPLOYING DEPARTMENT		Plant Admin Services Thu Duc Plant		Personnel Department Payroll Section Thu Duc Plant	
POSITION TITLE		Clerk		Same	
GRADE OR PAY LEVEL		FPL-4/4		Same	
SALARY		VN\$ 100.9 p/hr		Same	
REMARKS ☐ SUBJECT TO COMPLETION OF MONTH PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING ☐ SUBJECT TO COMPLETION OF PHYSICAL EXAMINATION WITH SATISFACTORY RESULTS. ☒ Employee serves as typist for Payroll Section. Will be trained to become a relief payroll clerk.					
REFERENCE				SIGNATURE OF PERSONNEL MANAGER	
REQUEST NO. BY APPROVED BY ON				 JAK HANSEN Acting Managing Director DATE 09-04-72	

HD:hm

☒ EMPLOYEE COPY
 ☐ PERSONNEL FILE COPY
 ☐ PAYROLL COPY
 ☐ FINANCE DEPT COPY
 ☐ REG DEPT COPY

Maj William F. Brion

Mr. Shimellis, Alemu

Lt Cynthia L. Stong

Lt Fotakis, Nikitas

WO Le-minh TRIET

Lt Nguyen-van NGO

Lt Robert W. Tirey

Lt Donald R Scott, Jr

Lt Wayne G Story

Lt Patrick C Higgs

Lt Margaret A Betley

Lt Sue C.M. Armstrong

Maj Wichai Nutasiri

Capt Afratis, Bill

Capt Charles E West

Capt Cyrus B Vance II

LỆNH THA

Tôi ĐƯƠNG MÌNHChức vụ TRƯỞNG CÔNG AN VĨNH TÂNCăn cứ quyết định miễn tố số 1 ngày 11 tháng 11 năm 1977đối với bị can NGUYỄN THỊ BẠCH ĐĂNG - CANTO : TÌNH CHỒNG VƯỢT

Căn cứ vào pháp luật hiện hành;

ĐANG TẠM PHÉP

RA LỆNH THA

Họ và tên NGUYỄN THỊ BẠCH ĐĂNG Bí danh 1Sinh ngày 5 tháng 11 năm 1943Sinh quán GIÀ HỒMTrú quán 38/126 PHẠM VĂN TRỊ, PHƯỜNG 21, QUẬN 5Nghề nghiệp LÀM CÔNG• Ông Giám thị trại tạm giam VĨNH TÂN

thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND VĨNH TÂN

để tương.

* 3 con Công Tha:

- LÊ THỊ BẠCH XEN 10h30- LÊ BẠCH LAN PHƯƠNG 8h30- LÊ MINH DĂNG KHU 4h30

Nơi nhận

- Ông Viện trưởng VKSND để biết

- để báo cáo

- Ông Giám thị trại tạm giam để thi hành

- để biết

- Dường sự khi về trình với biết

- Lưu hồ sơ

VĨNH TÂN ngày 25 tháng 11 năm 1977

TRƯỞNG CÔNG AN:



ĐƯƠNG MÌNH

chứng thực
do kiến trúc

Ngày 28-11-77

thị trấn



[Handwritten signature]

Trần quyết tâm